

## **Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn**

Báo cáo của Hội đồng quản trị  
và  
Các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ernst & Young

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 3
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh các báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 41

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép hoạt động số 3041/GP-UB, do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và được cấp giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056679, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999. Công ty được cấp Giấy phép hoạt động Kinh doanh chứng khoán số 03/GPHĐKD, do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 4 năm 2000 và các giấy phép điều chỉnh tiếp theo.

Hoạt động chính của Công ty và công ty con bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, quản lý quỹ và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 15 tháng 12 năm 2006 và đã chuyển sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 29 tháng 10 năm 2007.

Công ty có trụ sở chính đặt tại 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty cũng đồng thời có các chi nhánh đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Vũng Tàu và Hải Phòng.

Theo quyết định số 895/QĐ-UBCK ngày 09 tháng 12 năm 2009, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận cho Công ty thành lập chi nhánh mới tại Nha Trang.

Công ty có một (01) công ty con là Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 19/UBCK-GP ngày 3 tháng 8 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Vốn điều lệ của Công ty con là 30.000.000.000 đồng Việt Nam (VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ của công ty con này.

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

	Đơn vị: đồng Việt Nam	
	Năm 2009	Năm 2008
Lợi nhuận thuần sau thuế	804.079.895.938	250.516.970.757
Cổ tức trả trong năm	595.560.000	403.425.784.000
Cổ tức công bố năm nay nhưng chưa trả tại thời điểm cuối năm	153.322.201.000	1.488.118.000
Cổ tức đã công bố năm trước nhưng chưa trả tại thời điểm cuối năm	1.030.438.000	137.880.000
Lợi nhuận để lại vào cuối năm	1.049.533.539.162	423.185.498.706

### CÁC SỰ KIỆN TRONG NĂM

Ngày 30 tháng 1 năm 2009, Công ty đã thực hiện chuyển đổi 1.666.680 trái phiếu SSICB0206 thành cổ phiếu phổ thông và tăng vốn điều lệ thêm 166.668.000.000 đồng Việt Nam theo Giấy phép số 227/UBCK-GP ngày 08 tháng 4 năm 2009.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 1999 Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 9 năm 2003
Ông Nguyễn Hồng Nam	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 1999 Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2009
Ông Akihiko Kanamura	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2008
Ông Ngô Văn Điềm	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2007
Ông Gilles Planté	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 10 năm 2007 Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2009
Ông Bùi Quang Nghiêm	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2009
Ông Mark David Whelan	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2009
Bà Đàm Bích Thủy	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2009

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Công văn số 28/2010/CV-SSIHO ngày 11 tháng 01 năm 2010 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty sẽ tiến hành thực hiện chuyển đổi 2.222.240 trái phiếu SSICB0306 thành cổ phiếu phổ thông theo tỷ lệ 1:10 vào ngày 30 tháng 01 năm 2010 và trả lãi cho số trái phiếu này. Đây là lần chuyển đổi cuối cùng của số trái phiếu chuyển đổi đã phát hành từ năm 2006.

Do trái phiếu chuyển đổi SSICB0306 đã được phát hành trước khi cổ phiếu SSI được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sẽ không điều chỉnh giá tham chiếu cổ phiếu SSI khi tiến hành chuyển đổi trái phiếu SSICB0306 thành cổ phiếu.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc đã cam kết với Hội đồng quản trị rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

## PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Hội đồng quản trị



Ông Nguyễn Duy Hưng  
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2010

Số tham chiếu: 60755007/ 14150543

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn ("Công ty") và các công ty con, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (sau đây được gọi chung là "các báo cáo tài chính hợp nhất") được trình bày từ trang 5 đến trang 41. Việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở Ý kiến Kiểm toán**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

### **Ý kiến Kiểm toán**

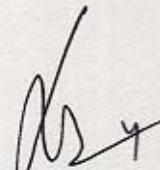
Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, và các chính sách kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài Chính và tuân thủ các quy định có liên quan.



*Ernst & Young Vietnam Ltd.*  
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Đình Cường  
Tổng Giám đốc  
Kiểm toán viên đã đăng ký  
Số đăng ký: 0135/KTV



Võ Xuân Minh  
Kiểm toán viên phụ trách  
Kiểm toán viên đã đăng ký  
Số đăng ký: 0923/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÀN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 Số trình bày lại
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>4.688.668.073.128</b>	<b>2.832.440.630.345</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>2.650.001.084.717</b>	<b>1.610.984.422.667</b>
111	1. Tiền		1.885.001.084.717	777.532.339.334
112	2. Các khoản tương đương tiền		765.000.000.000	833.452.083.333
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>1.322.333.322.462</b>	<b>860.476.309.199</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn	6	1.311.570.716.264	548.625.253.876
122	2. Đầu tư ngắn hạn của người ủy thác đầu tư	7	91.506.676.040	337.554.350.207
129	3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	6	(80.744.069.842)	(25.703.294.884)
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>8</b>	<b>709.548.355.978</b>	<b>195.818.186.416</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		525.202.888.075	27.818.912.562
132	2. Trả trước cho người bán		5.885.406.051	5.147.469.367
135	3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		54.495.327.058	449.774.597
138	4. Các khoản phải thu khác		123.964.734.794	162.402.029.890
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
150	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>6.785.309.971</b>	<b>165.161.712.063</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		4.335.919.919	2.683.705.855
157	2. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	159.893.780.000
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		2.449.390.052	2.584.226.208
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.388.317.348.381</b>	<b>2.788.437.724.253</b>
220	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>163.678.835.756</b>	<b>162.829.348.745</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	33.898.059.463	38.148.347.944
222	Nguyên giá		69.051.933.321	58.908.243.932
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(35.153.873.858)	(20.759.895.988)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	128.836.899.293	124.681.000.801
228	Nguyên giá		138.376.050.786	129.657.400.085
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(9.539.151.493)	(4.976.399.284)
230	3. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang		943.877.000	-
250	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>2.181.537.032.057</b>	<b>2.606.084.826.421</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	11	454.205.459.050	453.067.080.821
253	2. Đầu tư vào chứng khoán dài hạn	12	1.635.996.635.108	2.312.115.299.038
254	Chứng khoán sẵn sàng để bán		1.635.996.635.108	2.312.115.299.038
255	Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác	13	126.393.890.000	131.393.890.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	12	(35.058.952.101)	(290.491.443.438)
260	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>43.101.480.568</b>	<b>19.523.549.087</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		6.273.425.927	6.885.718.025
262	2. Tài sản thuế TNDN hoãn lại	29	21.592.340.859	-
263	3. Tiền nộp Quý hỗ trợ thanh toán	14	8.389.932.650	6.140.770.930
268	4. Tài sản dài hạn khác		6.845.781.132	6.497.060.132
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>7.076.985.421.509</b>	<b>5.620.878.354.598</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 Số trình bày lại
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.227.837.369.973</b>	<b>1.723.975.051.271</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.864.616.902.228</b>	<b>937.408.380.912</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	-	110.000.000.000
312	2. Phải trả người bán		594.694.015	2.014.849.236
313	3. Người mua trả tiền trước		2.229.777.500	1.918.777.500
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	54.050.999.468	31.480.687.718
315	5. Phải trả người lao động		-	13.750.000
316	6. Chi phí phải trả	17	33.407.614.418	54.895.295.676
320	7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	18	1.452.544.964.388	718.184.058.791
321	8. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	19	157.993.026.898	2.893.987.130
322	9. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		3.269.421.100	534.991.600
328	10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	20	160.526.404.441	15.471.983.261
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>363.220.467.745</b>	<b>786.566.670.359</b>
333	1. Phải trả dài hạn khác	21	13.000.000.000	348.551.500
334	2. Vay và nợ dài hạn	22	222.224.000.000	388.892.000.000
335	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
336	4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		4.189.051.696	4.879.087.823
341	5. Vốn nhận ủy thác đầu tư dài hạn	23	123.807.416.049	392.447.031.036
<b>400</b>	<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>24</b>	<b>4.849.148.051.536</b>	<b>3.896.903.303.327</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>24</b>	<b>4.818.501.330.788</b>	<b>3.812.768.310.149</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.533.334.710.000	1.366.666.710.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.095.966.265.902	1.996.057.965.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	4. Cổ phiếu quỹ		(449.664.524)	(88.206.646.731)
418	5. Quỹ dự phòng tài chính và dự trữ pháp định		140.116.480.248	115.064.783.174
419	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.049.533.539.162	423.185.498.706
<b>430</b>	<b>II. Quỹ khen thưởng phúc lợi</b>	<b>24</b>	<b>30.646.720.748</b>	<b>84.134.993.178</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>7.076.985.421.509</b>	<b>5.620.878.354.598</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2009

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
001	1. Tài sản cố định thuê ngoài	-	-
002	2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	-	-
003	3. Tài sản nhận ký cược	-	-
004	4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
005	5. Ngoại tệ các loại	-	-
006	6. Chứng khoán lưu ký	7.337.135.000.000	7.094.274.170.000
	<i>Trong đó</i>		
007	<b>6.1. Chứng khoán giao dịch</b>	<b>5.860.423.890.000</b>	<b>6.076.985.050.000</b>
008	6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	887.204.350.000	1.323.811.850.000
009	6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	4.042.599.460.000	3.881.297.350.000
010	6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	930.620.080.000	871.875.850.000
011	6.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	-	-
012	<b>6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</b>	<b>592.490.970.000</b>	-
013	6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	15.166.000.000	-
014	6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	545.295.080.000	-
015	6.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	32.029.890.000	-
016	6.2.4. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	-	-
017	<b>6.3. Chứng khoán cầm cố</b>	<b>625.912.680.000</b>	<b>979.783.520.000</b>
018	6.3.1. Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	-	-
019	6.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	625.912.680.000	979.783.520.000
020	6.3.3. Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	-	-
021	6.3.4. Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	-	-
022	<b>6.4. Chứng khoán tạm giữ</b>	-	-
027	<b>6.5. Chứng khoán chờ thanh toán</b>	<b>243.940.700.000</b>	<b>37.505.600.000</b>
028	6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	16.542.700.000	1.139.500.000
029	6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	220.938.500.000	34.385.700.000
030	6.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	6.459.500.000	1.980.400.000
031	6.5.4. Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	-	-
032	<b>6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút</b>	-	-
037	<b>6.7. Chứng khoán chờ giao dịch</b>	<b>14.366.760.000</b>	-
038	6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	-	-
039	6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	11.597.360.000	-
040	6.7.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	2.769.400.000	-
041	6.7.4. Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	-	-
042	<b>6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay</b>	-	-
047	<b>6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch</b>	-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2009

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
050	<b>7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết</b>	85.362.510.000	-
	<i>Trong đó:</i>		
051	<b>7.1. Chứng khoán giao dịch</b>	85.124.510.000	-
052	7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	-	-
053	7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	85.124.510.000	-
054	7.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	-	-
055	7.1.4. Chứng khoán giao dịch của của tổ chức khác	-	-
056	<b>7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</b>	50.000.000	-
057	7.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	-	-
058	7.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	50.000.000	-
059	7.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	-	-
060	7.2.4. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	-	-
061	<b>7.3. Chứng khoán cầm cố</b>	-	-
066	<b>7.4. Chứng khoán tạm giữ</b>	-	-
071	<b>7.5. Chứng khoán chờ thanh toán</b>	188.000.000	-
072	7.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	-	-
073	7.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	188.000.000	-
074	7.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	-	-
075	7.5.4. Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	-	-
076	<b>7.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút</b>	-	-
081	<b>7.7. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch</b>	-	-
082	<b>8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng</b>	-	-
083	<b>9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán</b>	-	-
084	<b>10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá</b>	-	-
	<b>Tổng cộng tài khoản ngoại bảng</b>	<b>7.422.497.510.000</b>	<b>7.094.274.170.000</b>



Kế toán trưởng  
Hoàng Thị Minh Thủy



Giám đốc Tài chính  
Nguyễn Thị Thanh Hà




Tổng Giám đốc  
Nguyễn Duy Hưng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2010

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng Việt Nam


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước Số trình bày lại
<b>01</b>	<b>1. Doanh thu</b>	<b>25</b>	<b>1.121.557.943.660</b>	<b>1.055.234.328.495</b>
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		196.203.846.337	115.751.810.479
01.2	- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		603.679.970.807	703.302.158.032
01.3	- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		9.236.390.000	8.646.285.660
01.4	- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		-	-
	- Doanh thu quản lý danh mục đầu tư cho người ủy thác đầu tư		88.419.267.954	44.561.548.222
01.5	- Doanh thu hoạt động tư vấn		50.301.749.737	9.456.472.056
01.6	- Doanh thu lưu ký chứng khoán		1.756.798.538	5.413.832.090
01.7	- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá		-	-
01.8	- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		666.456.491	282.081.100
01.9	- Doanh thu khác		171.293.463.796	167.820.140.856
<b>02</b>	<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>25</b>	<b>31.888.000</b>	<b>600.181.818</b>
<b>10</b>	<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>25</b>	<b>1.121.526.055.660</b>	<b>1.054.634.146.677</b>
<b>11</b>	<b>4. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>26</b>	<b>233.474.467.665</b>	<b>740.176.840.359</b>
	<i>Trong đó:</i>			
	Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán		433.866.184.044	484.863.217.587
	Chi phí dự phòng chứng khoán		(200.391.716.379)	255.313.622.772
<b>20</b>	<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>		<b>888.051.587.995</b>	<b>314.457.306.318</b>
<b>25</b>	<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>27</b>	<b>6.261.966.451</b>	<b>5.504.986.605</b>
<b>30</b>	<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>881.789.621.544</b>	<b>308.952.319.713</b>
<b>31</b>	<b>8. Thu nhập khác</b>	<b>28</b>	<b>137.062.842</b>	<b>25.267.192.151</b>
<b>32</b>	<b>9. Chi phí khác</b>	<b>28</b>	<b>103.548.166</b>	<b>22.335.211.375</b>
<b>40</b>	<b>10. Lợi nhuận khác</b>	<b>28</b>	<b>33.514.676</b>	<b>2.931.980.776</b>
<b>41</b>	<b>11. Lãi/(lỗ) từ các công ty liên kết</b>	<b>11</b>	<b>73.888.378.228</b>	<b>(34.065.054.697)</b>
<b>50</b>	<b>12. Tổng lợi nhuận / (lỗ) kế toán trước thuế</b>		<b>955.711.514.448</b>	<b>277.819.245.792</b>
<b>51</b>	<b>13. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>29</b>	<b>173.223.959.369</b>	<b>27.302.275.035</b>
<b>52</b>	<b>14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>29</b>	<b>(21.592.340.859)</b>	<b>-</b>
<b>60</b>	<b>15. Lợi nhuận / (lỗ) sau thuế TNDN</b>		<b>804.079.895.938</b>	<b>250.516.970.757</b>
<b>70</b>	<b>16. Lãi / (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>31</b>	<b>5.360</b>	<b>1.868</b>



Kế toán trưởng  
Hoàng Thị Minh Thủy



Giám đốc Tài chính  
Nguyễn Thị Thanh Hà

Tổng Giám đốc  
Nguyễn Duy Hưng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước Số trình bày lại
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		955.711.514.448	277.819.245.791
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(488.132.881.362)	123.924.206.871
02	Khấu hao tài sản cố định		19.171.072.970	16.219.270.853
03	Các khoản lập dự phòng		(200.391.716.379)	255.313.622.772
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	Lãi lỗ hoạt động đầu tư		(344.021.621.733)	(230.090.780.689)
06	Chi phí lãi vay		37.109.383.780	82.482.093.935
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		467.578.633.086	401.743.452.662
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(352.684.398.697)	264.503.924.225
10	Tăng, giảm tồn kho, chứng khoán ngắn hạn		(948.205.475.039)	(184.902.395.061)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		670.390.239.891	(687.617.539.966)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(684.888.508)	3.178.667.647
13	Tiền lãi vay đã trả		(61.363.069.931)	(135.115.428.043)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(129.768.923.112)	(97.198.348.134)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.478.260.000	16.962.562.000
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(56.248.253.430)	(72.633.003.730)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(408.507.875.740)	(491.078.108.400)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(21.598.623.229)	(45.263.608.399)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	23.931.083.029
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(319.053.256.381)	(226.339.770.500)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		893.810.436.429	266.757.451.932
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(567.726.396.888)	(382.394.357.864)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.113.965.753.107	3.072.929.556.936
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		271.056.901.643	281.501.532.043
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.370.454.814.681	2.991.121.887.177

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

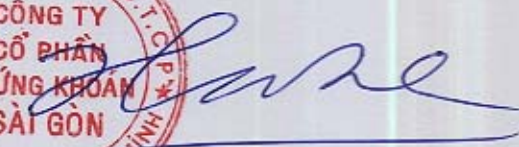
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước Số trình bày lại
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẢN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		219.606.045.000	280.000.000
32	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(31.940.761.891)	(88.206.646.731)
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		110.000.000.000	85.000.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(110.000.000.000)	(2.625.000.000.000)
	Trả lại vốn ủy thác cho người đầu tư		(110.000.000.000)	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(595.560.000)	(403.425.784.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		77.069.723.109	(3.031.352.430.731)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		1.039.016.662.050	(531.308.651.954)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.610.984.422.667	2.142.293.074.621
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	2.650.001.084.717	1.610.984.422.667



Kế toán trưởng  
Hoàng Thị Minh Thủy



Giám đốc Tài chính  
Nguyễn Thị Thanh Hà

Tổng Giám đốc  
Nguyễn Duy Hưng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2010

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép hoạt động số 3041/GP-UB, do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và được cấp giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056679, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999. Công ty được cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 03/GPHĐKD, do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 4 năm 2000 và các giấy phép điều chỉnh tiếp theo.

Hoạt động chính của Công ty và công ty con (như được trình bày trong thuyết minh số 1) bao gồm môi giới chứng khoán, tư vấn chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, quản lý quỹ và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 15 tháng 12 năm 2006 và đã chuyển sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 29 tháng 10 năm 2007.

Công ty có trụ sở chính đặt tại 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Công ty cũng đồng thời có các chi nhánh đặt tại thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng và Vũng Tàu.

Theo quyết định số 895/QĐ-UBCK ngày 09 tháng 12 năm 2009, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận cho Công ty thành lập chi nhánh mới tại Nha Trang.

**Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 056679 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 30 tháng 12 năm 1999 là 6 tỷ đồng Việt Nam. Vốn điều lệ của Công ty đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, tổng vốn điều lệ của Công ty là 1.533.334.710.000 đồng Việt Nam.

Trong năm 2009, Công ty tăng vốn điều lệ như sau:

<i>Vốn tăng lên (đồng Việt Nam)</i>	<i>Được phê duyệt theo</i>	<i>Ngày</i>
1.533.334.710.000	Giấy phép điều chỉnh số 227/UBCK-GP	08 tháng 4 năm 2009

**Hội đồng quản trị**

Thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2009 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 1999 Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 9 năm 2003
Ông Nguyễn Hồng Nam	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 1999 Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2009
Ông Akihiko Kanamura	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2008
Ông Ngô Văn Điểm	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2007
Ông Gilles Planté	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 10 năm 2007 Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2009
Ông Bùi Quang Nghiêm	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2009
Ông Mark David Whelan	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2009
Bà Đàm Bích Thủy	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2009

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm 2009 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 3 năm 2007
Ông Nguyễn Hồng Nam	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2000 Tái bổ nhiệm ngày 5 tháng 9 năm 2003

**Ban Kiểm soát**

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2009 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Khải	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 1999 Tái bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2006
Ông Đặng Phong Lưu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2005
Bà Hồ Thị Hương Trà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2007

**Mạng lưới hoạt động**

Công ty có trụ sở chính tại 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có một (01) trụ sở chính, một (01) chi nhánh, ba (03) phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh, hai (02) chi nhánh, một (01) phòng giao dịch tại Hà Nội, một (01) chi nhánh tại Hải Phòng và một (01) chi nhánh tại Vũng Tàu.

**Công ty con**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có một (01) công ty con như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Được thành lập theo</u>	<u>Ngành hoạt động</u>	<u>Vốn điều lệ</u>	<u>% sở hữu</u>
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)	Giấy phép thành lập và hoạt động số 19/UBCK-GP ngày 3 tháng 8 năm 2007	Quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư	30 tỷ đồng	100%

**Đầu tư vào Quỹ Tầm nhìn SSI**

Năm 2007, Công ty đầu tư vào Quỹ đầu tư Tầm nhìn SSI với tổng số vốn đầu tư là 485.000.000.000 đồng Việt Nam, chiếm 28,53% tổng giá trị vốn góp của quỹ. Quỹ Tầm nhìn SSI là quỹ thành viên đóng với tổng giá trị vốn góp ban đầu là 1.700 tỷ đồng Việt Nam, có thời hạn hoạt động 5 năm và có khả năng gia hạn thêm 2 năm nữa, và được chấp thuận thành lập theo Thông báo xác nhận việc lập quỹ thành viên số 126/TB-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 11 năm 2007.

**Nhân viên**

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 417 người (năm 2008 là 395 người).

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính (thay thế cho Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ Tài chính) và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Tại thời điểm lập báo cáo, khoản mục tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty, cụ thể là được bao gồm trong các tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty vẫn đứng tên các tài khoản này tại các ngân hàng thương mại.

Bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Năm 2009 là năm đầu tiên Công ty thực hiện áp dụng Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đồng tiền kế toán*

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.

### 2.5 *Trình bày lại số đầu kỳ*

Năm 2009, Công ty thực hiện áp dụng Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 trong việc lập và trình bày các báo cáo tài chính, theo đó, một số khoản mục trên các báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2008 được trình bày lại cho phù hợp với Thông tư 95/2008/TT-BTC.



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.6 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (công ty mẹ) và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi của người uỷ thác đầu tư, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**3.3 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.5 Khấu hao và khấu trừ**

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	không khấu hao

**3.6 Thuê tài sản**

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.7 Đầu tư chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán**

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

*Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn*

Các chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

*Dự phòng giảm giá chứng khoán*

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 *Hợp đồng ủy thác quản lý đầu tư***

Các tài sản đầu tư của các cá nhân, tổ chức ủy thác đầu tư theo các hợp đồng ủy thác quản lý đầu tư được ghi nhận và trình bày là các tài sản đầu tư của người ủy thác đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Vốn ủy thác nhận được từ các cá nhân, tổ chức ủy thác đầu tư theo các hợp đồng ủy thác quản lý đầu tư được ghi nhận và trình bày là các khoản phải trả cho người ủy thác đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**3.9 *Đầu tư vào các quỹ đầu tư trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể***

Các khoản đầu tư vào các quỹ đầu tư trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận dựa trên phương pháp kế toán vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của quỹ đầu tư.

Các báo cáo tài chính của quỹ đầu tư được lập cùng kỳ với báo cáo của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

**3.10 *Các hợp đồng mua và bán lại***

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản, hoặc chi phí, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu, hoặc khoản phải trả, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

**3.11 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước***

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 *Trợ cấp thôi việc phải trả***

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân của giai đoạn sáu tháng tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính.

**3.14 Cổ phiếu ngân quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu ngân quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.15 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam sẽ phân chia theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

**3.16 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

*Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)**

chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**3.18 Các quỹ**

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000 như sau:

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
		<i>Số trình bày lại</i>
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền mặt	304.139.392	374.521.673
Tiền gửi ngân hàng	1.884.696.945.325	777.157.817.661
<i>Trong đó:</i>		
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>114.905.705.646</i>	<i>47.286.659.108</i>
<i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán</i>	<i>1.708.767.592.927</i>	<i>724.920.960.417</i>
<i>Tiền của người ủy thác đầu tư</i>	<i>61.023.646.752</i>	<i>4.950.198.136</i>
Các khoản tương đương tiền	765.000.000.000	833.452.083.333
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng</i>	<i>750.000.000.000</i>	<i>795.452.083.333</i>
<i>Tiền của người ủy thác đầu tư</i>	<i>15.000.000.000</i>	<i>38.000.000.000</i>
	<b><u>2.650.001.084.717</u></b>	<b><u>1.610.984.422.667</u></b>

Các khoản tiền gửi của người ủy thác đầu tư nằm trong danh mục ủy thác đầu tư hiện được quản lý tại công ty con của Công ty là Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM).

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM**

	<i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</i>	<i>Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VNĐ</i>
1. Cửa Công ty chứng khoán	185.004.729	9.234.289.976.623
<i>Cổ phiếu</i>	120.173.759	5.074.146.097.993
<i>Trái phiếu</i>	37.220.000	3.903.960.409.630
<i>Chứng khoán khác (chứng chỉ     quỹ đầu tư)</i>	27.610.970	256.183.469.000
2. Cửa nhà đầu tư	2.301.904.664	93.552.326.074.860
<i>Cổ phiếu</i>	2.085.855.020	84.003.884.220.140
<i>Trái phiếu</i>	77.323.834	8.028.227.238.720
<i>Chứng khoán khác (chứng chỉ     quỹ đầu tư)</i>	138.725.810	1.520.214.616.000
	<b>2.486.909.393</b>	<b>102.786.616.051.483</b>

**6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>Số trình bày lại VNĐ</i>
Chứng khoán thương mại	1.231.570.716.264	473.781.503.876
Đầu tư ngắn hạn khác	80.000.000.000	74.843.750.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng</i>	80.000.000.000	74.843.750.000
	<b>1.311.570.716.264</b>	<b>548.625.253.876</b>

**Chứng khoán thương mại**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>Số trình bày lại VNĐ</i>
Cổ phiếu niêm yết	788.340.547.571	23.525.518.223
Cổ phiếu chưa niêm yết	143.230.168.693	133.869.946.200
Trái phiếu, kỳ phiếu các loại	300.000.000.000	316.386.039.453
	<b>1.231.570.716.264</b>	<b>473.781.503.876</b>

**Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>Số trình bày lại VNĐ</i>
Cổ phiếu niêm yết	51.269.055.074	5.840.555.556
Cổ phiếu chưa niêm yết	29.475.014.768	19.862.739.328
	<b>80.744.069.842</b>	<b>25.703.294.884</b>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN (tiếp theo)**

**Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

**7. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN CỦA NGƯỜI ỦY THÁC ĐẦU TƯ**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>Số trình bày lại VNĐ</i>
Cổ phiếu	41.506.676.040	127.604.381.946
Trái phiếu, kỳ phiếu các loại	50.000.000.000	209.949.968.261
	<b>91.506.676.040</b>	<b>337.554.350.207</b>

Danh mục uỷ thác đầu tư đang được quản lý tại công ty con của Công ty là SSIAM.



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
	VND	Số trình bày lại VND
1. Phải thu của khách hàng	525.202.888.075	27.818.912.562
<i>Phải thu các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho người đầu tư</i>	136.470.715.606	18.538.344.479
<i>Phải thu khách hàng về hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán</i>	322.681.414.013	-
<i>Phải thu phí tư vấn</i>	1.454.685.890	692.000.000
<i>Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ</i>	63.113.447.672	8.279.046.661
<i>Phải thu khác</i>	1.482.624.894	309.521.422
2. Ứng trước cho người bán	5.885.406.051	5.147.469.367
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	54.495.327.058	449.774.597
<i>Phải thu của Sở GDCK</i>	53.000.000.000	-
<i>Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán</i>	1.495.327.058	449.774.597
4. Phải thu khác	123.964.734.794	162.402.029.890
<i>Lãi tiền gửi</i>	3.015.653.278	5.676.805.887
<i>Phải thu tổ chức phát hành chứng khoán (trái tức, cổ tức, lãi kỳ phiếu)</i>	42.941.825.174	76.713.446.229
<i>Phải thu theo các hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán</i>	64.892.544.000	77.360.154.413
<i>Phải thu khác</i>	13.114.712.342	2.651.623.361
	<b>709.548.355.978</b>	<b>195.818.186.416</b>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
<b>Nguyên giá</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	-	45.579.302.432	11.811.176.903	1.517.764.597	58.908.243.932
Tăng trong kỳ	2.609.391.520	6.097.650.968	2.006.550.000	-	10.713.592.488
<i>Mua mới</i>	2.609.391.520	6.097.650.968	2.006.550.000	-	10.713.592.488
Giảm trong kỳ	-	(569.903.099)	-	-	(569.903.099)
<i>Bán thanh lý</i>	-	(569.903.099)	-	-	(569.903.099)
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	<u>2.609.391.520</u>	<u>51.107.050.301</u>	<u>13.817.726.903</u>	<u>1.517.764.597</u>	<u>69.051.933.321</u>
<b>Hao mòn lũy kế</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	-	16.203.594.045	4.106.600.783	449.701.160	20.759.895.988
Tăng trong kỳ	405.842.321	11.710.329.439	2.097.437.920	394.711.081	14.608.320.761
<i>Khấu hao</i>	405.842.321	11.710.329.439	2.097.437.920	394.711.081	14.608.320.761
Giảm trong kỳ	-	(214.342.891)	-	-	(214.342.891)
<i>Bán thanh lý</i>	-	(214.342.891)	-	-	(214.342.891)
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	<u>405.842.321</u>	<u>27.699.580.593</u>	<u>6.204.038.703</u>	<u>844.412.241</u>	<u>35.153.873.858</u>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	-	<u>29.375.708.387</u>	<u>7.704.576.120</u>	<u>1.068.063.437</u>	<u>38.148.347.944</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	<u>2.203.549.199</u>	<u>23.407.469.708</u>	<u>7.613.688.200</u>	<u>673.352.356</u>	<u>33.898.059.463</u>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

	<i>Phần mềm</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Tài sản vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	12.299.407.357	114.481.726.400	2.876.266.328	129.657.400.085
Tăng trong kỳ	9.905.490.341	-	(1.186.839.640)	8.718.650.701
<i>Mua mới</i>	8.583.518.813	-	135.131.888	8.718.650.701
<i>Phân loại lại</i>	1.321.971.528	-	(1.321.971.528)	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	<u>22.204.897.698</u>	<u>114.481.726.400</u>	<u>1.689.426.688</u>	<u>138.376.050.786</u>
<b>Hao mòn lũy kế</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	4.749.532.860	-	226.866.424	4.976.399.284
Tăng trong kỳ	3.446.859.064	-	1.115.893.145	4.562.752.209
<i>Khấu hao</i>	4.391.447.644	-	171.304.565	4.562.752.209
<i>Phân loại lại</i>	(944.588.580)	-	944.588.580	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	<u>8.196.391.924</u>	<u>-</u>	<u>1.342.759.569</u>	<u>9.539.151.493</u>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	<u>7.549.874.497</u>	<u>114.481.726.400</u>	<u>2.649.399.904</u>	<u>124.681.000.801</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	<u>14.008.505.774</u>	<u>114.481.726.400</u>	<u>346.667.119</u>	<u>128.836.899.293</u>

**11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

<i>Tên đơn vị nhận vốn đầu tư</i>	<i>Tổng vốn góp của đơn vị nhận đầu tư (VND)</i>	<i>% sở hữu của Công ty</i>	<i>31 tháng 12 năm 2009 (VND)</i>	<i>31 tháng 12 năm 2008 (VND)</i>
Quý Tầm nhìn SSI	1.700.000.000.000	28,53%	<u>454.205.459.050</u>	<u>453.067.080.821</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>454.205.459.050</u></b>	<b><u>453.067.080.821</u></b>

Công ty đầu tư vào Quý đầu tư Tầm nhìn SSI với tổng số vốn đầu tư là 485.000.000.000 đồng Việt Nam, chiếm 28,53% tổng giá trị vốn góp của quý. Quý Tầm nhìn SSI là quỹ thành viên đóng với tổng giá trị vốn góp ban đầu là 1.700 tỷ đồng Việt Nam, có thời hạn hoạt động 5 năm và có khả năng gia hạn thêm 2 năm nữa, và được chấp thuận thành lập theo Thông báo xác nhận việc lập quỹ thành viên số 126/TB-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 11 năm 2007.

Trong năm, Quý Tầm nhìn SSI đã thực hiện chia lợi nhuận cho các nhà đầu tư và tổng số lợi nhuận SSI đã thực nhận trong năm 2009 là 72.750.000.000 đồng.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN DÀI HẠN**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
	VNĐ	VNĐ
Chứng khoán sẵn sàng để bán		
Trái phiếu	703.023.732.968	924.267.925.893
Niêm yết	441.911.610.771	726.454.669.449
Chưa niêm yết	261.112.122.197	197.813.256.444
Cổ phiếu	932.972.902.140	1.387.847.373.145
Niêm yết	767.170.400.621	803.239.060.875
Chưa niêm yết	165.802.501.519	584.608.312.270
Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	-	-
	<b>1.635.996.635.108</b>	<b>2.312.115.299.038</b>

**Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
	VNĐ	VNĐ
Cổ phiếu niêm yết	8.959.144.379	179.411.815.106
Cổ phiếu chưa niêm yết	26.099.807.722	111.079.628.332
	<b>35.058.952.101</b>	<b>290.491.443.438</b>

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo báo giá của các công ty chứng khoán có quy mô lớn, uy tín trên thị trường chứng khoán và các tạp chí chứng khoán có uy tín. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản góp vốn của Công ty vào các đơn vị nhận đầu tư với mục tiêu nắm giữ dài hạn. Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008	% sở hữu của Công ty 2009	% sở hữu của Công ty 2008
	VNĐ	VNĐ		
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	101.393.900.000	101.393.900.000	9,98%	9,98%
Công ty Thủy điện Hòa Na	-	9.000.000.000	0%	9,00%
Công ty Xi măng Vissai Miền Trung	10.000.000.000	6.000.000.000	10%	12,00%
Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI	14.999.990.000	14.999.990.000	14,99%	14,99%
	<b>126.393.890.000</b>	<b>131.393.890.000</b>		

Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex, tiền thân là Ngân hàng TMCP Đồng Tháp Mười, một ngân hàng TMCP nông thôn thành lập năm 1993. Năm 2006, khi ngân hàng này thực hiện tăng vốn cho mục đích chuyển đổi sang mô hình ngân hàng TMCP đô thị, SSI đã góp vốn vào ngân hàng với tư cách cổ đông chiến lược và có một đại diện trong Hội đồng Quản trị của ngân hàng. Hoạt động chính của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex là cung cấp các dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính có liên quan tại Việt Nam.

Khoản góp vốn thành lập Công ty Thủy điện Hòa Na được thực hiện năm 2007. Hoạt động chính của Công ty Thủy điện Hòa Na bao gồm: sản xuất mua bán điện năng; đầu tư xây dựng các công trình thủy điện; xây lắp công trình điện, kinh doanh vật tư thiết bị trong lĩnh vực điện.

Khoản góp vốn vào Công ty Xi măng Vissai Miền Trung, tiền thân là Công ty Xây dựng và Đầu tư Đại Việt, được thực hiện năm 2007. Hoạt động chính của Công ty bao gồm: khai thác sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất, ngoại thất; thi công lắp đặt, hoàn thiện và trang trí nội ngoại thất cho các công trình xây dựng.

Năm 2007, Công ty cũng thực hiện góp vốn vào Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI với tư cách là cổ đông sáng lập. Hiện tại, chủ tịch Hội đồng Quản trị SSI cũng đồng thời là chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI. Hoạt động chính của Công ty bao gồm: kinh doanh nhà; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư, cao ốc văn phòng; dịch vụ quản lý, cho thuê mặt bằng, văn phòng.

**14. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
	VNĐ	Số trình bày lại VNĐ
Tiền nộp ban đầu	6.087.814.535	6.087.814.535
Tiền nộp bổ sung	2.000.000.000	-
Tiền lãi phân bổ hàng năm	302.118.115	52.956.395
	<b>8.389.932.650</b>	<b>6.140.770.930</b>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i> <i>Số trình bày lại</i>
	VNĐ	VNĐ
Các khoản vay theo hợp đồng ủy thác quản lý vốn	-	110.000.000.000
	<b>-</b>	<b>110.000.000.000</b>

Khoản vay ngắn hạn theo các hợp đồng ủy thác quản lý vốn gồm 2 hợp đồng có thời hạn từ 145 ngày và 557 ngày, lãi suất cố định lần lượt là 14% và 16,8%/năm và được quản lý bởi SSIAM tới thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 đã được tắt toán.

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i> <i>Số trình bày lại</i>
	VNĐ	VNĐ
Thuế Giá trị Gia tăng	288.711.888	23.582.189
Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (*)	48.781.140.010	5.383.825.130
Thuế Thu nhập Cá nhân	3.291.599.454	24.636.305.487
Thuế khác	1.689.548.116	1.436.974.912
	<b>54.050.999.468</b>	<b>31.480.687.718</b>

(\*) Chi phí thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành ước tính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 29.

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i> <i>Số trình bày lại</i>
	VNĐ	VNĐ
Chi phí lãi vay phải trả	-	3.844.166.668
Chi phí lãi trái phiếu chuyển đổi phải trả	28.769.221.158	49.178.740.643
Chi phí phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm lưu ký Chứng khoán	3.075.622.430	1.055.765.470
Chi phí lãi hợp đồng repo, hợp tác kinh doanh phải trả	518.618.187	73.889.000
Các khoản khác	1.044.152.643	742.733.895
	<b>33.407.614.418</b>	<b>54.895.295.676</b>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
	VNĐ	VNĐ
		Số trình bày lại
Phải trả người đầu tư về giao dịch chứng khoán		
<i>Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư tại trụ sở chính</i>	848.109.982.724	519.526.620.449
<i>Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư tại Chi nhánh Hà Nội</i>	413.502.905.278	147.915.961.592
<i>Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư của các chi nhánh và phòng giao dịch khác</i>	190.932.076.386	50.741.476.750
	<b>1.452.544.964.388</b>	<b>718.184.058.791</b>

**19. PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
	VNĐ	VNĐ
		Số trình bày lại
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho cổ đông	3.640.387.898	1.267.989.130
Phải trả cổ tức cho cổ đông SSI	154.352.639.000	1.625.998.000
	<b>157.993.026.898</b>	<b>2.893.987.130</b>

**20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
	VNĐ	VNĐ
		Số trình bày lại
Phải trả hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán	27.742.500.000	10.000.000.000
Doanh thu nhận trước	87.410.000	264.083.331
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế phải nộp	48.194.852	42.560.834
Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh	80.000.000.000	-
Phải trả cho khách hàng nước ngoài	44.023.133.000	-
Các khoản khác	8.625.166.589	5.165.339.096
	<b>160.526.404.441</b>	<b>15.471.983.261</b>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i> <i>Số trình bày lại</i>
	VNĐ	VNĐ
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	13.000.000.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn khác	-	348.551.500
	<b>13.000.000.000</b>	<b>348.551.500</b>

Số dư phải trả dài hạn khác tại 31 tháng 12 năm 2009 thể hiện số tiền đặt cọc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) cho giao dịch mua bán cổ phiếu với Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn.

**22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

Nợ dài hạn phản ánh số dư trái phiếu chuyển đổi với chi tiết tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 như được trình bày dưới đây:

<i>Tên Trái phiếu</i>	<i>Ngày bắt đầu</i>	<i>Mệnh giá (VNĐ)</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Kỳ hạn (tháng)</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Tổng giá trị (VNĐ)</i>
SSICB0306	30/11/2006	100.000	2.000.000	38	13,80%	200.000.000.000
	29/08/2007	100.000	222.240	38	13,80%	22.224.000.000
						<b>222.224.000.000</b>

*Tỷ lệ chuyển đổi:* Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu bằng mệnh giá, 1 trái phiếu mệnh giá 100.000 đồng Việt Nam chuyển đổi thành 10 cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng Việt Nam.

*Thời gian chuyển đổi:* Chậm nhất vào 30 tháng 1 hàng năm, bắt đầu từ ngày 30 tháng 1 năm 2008, thời hạn chuyển đổi có thể sớm hơn tùy theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

*Các điều kiện khác:* Các trái phiếu này không được bảo đảm. Công ty có quyền không trả trái tức cho các nhà đầu tư nếu như việc chi trả gây lỗ cho công ty, trong trường hợp này, số trái tức chưa trả sẽ được cộng chung vào tiền gốc trái phiếu kỳ hạn tiếp theo để tính lãi. Trong trường hợp Công ty bị phá sản, các nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu sẽ là đối tượng cuối cùng được nhận thanh toán.

**23. VỐN NHẬN ỦY THÁC ĐẦU TƯ DÀI HẠN**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i> <i>Số trình bày lại</i>
	VNĐ	VNĐ
Vốn nhận từ các khách hàng ủy thác quản lý danh mục đầu tư (*)	123.807.416.049	392.447.031.036
	<b>123.807.416.049</b>	<b>392.447.031.036</b>

(\*): Danh mục đầu tư ủy thác được quản lý tại công ty con của Công ty là Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI.



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**24.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu Ngân quỹ	Quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
<b>Cho năm tài chính 31 tháng 12 năm 2009</b>							
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	1.366.666.710.000	1.996.057.965.000	(88.206.646.731)	115.064.783.174	84.134.993.178	423.185.498.706	3.896.903.303.327
Hoàn lại thuế năm 2008	-	-	-	-	-	642.042.592	642.042.592
Tăng vốn từ trái phiếu chuyển đổi	166.668.000.000	-	-	-	-	-	166.668.000.000
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(31.940.761.891)	-	-	-	(31.940.761.891)
Bán cổ phiếu quỹ	-	99.908.300.902	119.697.744.098	-	-	-	219.606.045.000
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	25.051.697.074	-	(25.051.697.074)	-
Sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(53.488.272.430)	-	(53.488.272.430)
Trích cổ tức đợt 1 năm 2009 theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	-	-	-	-	-	(153.322.201.000)	(153.322.201.000)
Lợi nhuận sau thuế năm 2009	-	-	-	-	-	804.079.895.938	804.079.895.938
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009</b>	<b>1.533.334.710.000</b>	<b>2.095.966.265.902</b>	<b>(449.664.524)</b>	<b>140.116.480.248</b>	<b>30.646.720.748</b>	<b>1.049.533.539.162</b>	<b>4.849.148.051.536</b>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**24.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu Ngân quỹ VNĐ	Quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính VNĐ	Quỹ khen thưởng, phúc lợi VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>Cho năm tài chính 31 tháng 12 năm 2008</b>							
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	1.199.998.710.000	1.995.777.965.000	-	28.647.186.451	7.847.256.960	824.260.834.258	4.056.531.952.669
Trích bổ sung thuế năm 2007	-	-	-	-	-	(122.927.586)	(122.927.586)
Tăng thặng dư vốn cổ phần từ nguồn cổ phiếu thưởng cho nhân viên thôi việc	-	280.000.000	-	-	-	-	280.000.000
Tăng vốn từ trái phiếu chuyển đổi	166.668.000.000	-	-	-	-	-	166.668.000.000
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(88.206.646.731)	-	-	-	(88.206.646.731)
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	86.417.596.723	160.000.000.000	(246.417.596.723)	-
Sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(83.712.263.782)	-	(83.712.263.782)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(405.051.782.000)	(405.051.782.000)
Lợi nhuận sau thuế năm 2008	-	-	-	-	-	250.516.970.757	250.516.970.757
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008</b>	<b>1.366.666.710.000</b>	<b>1.996.057.965.000</b>	<b>(88.206.646.731)</b>	<b>115.064.783.174</b>	<b>84.134.993.178</b>	<b>423.185.498.706</b>	<b>3.896.903.303.327</b>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**24.2 Cổ phiếu**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	153.333.471	136.666.671
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	153.333.471	136.666.671
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	153.333.471	136.666.671
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	153.333.471	136.666.671
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và chưa được góp vốn đầy đủ	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu ngân quỹ</b>	<b>(11.270)</b>	<b>(1.926.491)</b>
Cổ phiếu ngân quỹ do công ty nắm giữ	(11.270)	(1.926.491)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(11.270)	(1.926.491)
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Cổ phiếu ngân quỹ do công ty con hoặc công ty liên kết của Công ty nắm giữ	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>153.322.201</b>	<b>134.740.180</b>
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	153.322.201	134.740.180
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

**25. DOANH THU**

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
<b>1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>	<b>1.121.557.943.660</b>	<b>1.055.234.328.495</b>
Doanh thu môi giới chứng khoán cho người đầu tư	196.203.846.337	115.751.810.479
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	603.679.970.807	703.302.158.032
<i>Cổ tức</i>	68.927.058.408	105.365.247.375
<i>Trái tức</i>	97.009.269.949	131.609.232.391
<i>Lãi kỳ phiếu</i>	8.012.625.001	12.593.536.111
<i>Lãi bán cổ phiếu, trái phiếu</i>	423.371.678.909	430.368.368.781
<i>Doanh thu hoạt động đầu tư khác</i>	6.359.338.540	23.365.773.374
Doanh thu bảo lãnh phát hành	9.236.390.000	8.646.285.660
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	50.301.749.737	9.456.472.056
Doanh thu lưu ký chứng khoán cho người đầu tư	1.756.798.538	5.413.832.090
Doanh thu quản lý DM đầu tư cho người UTĐT	88.419.267.954	44.561.548.222
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	666.456.491	282.081.100
Doanh thu khác	171.293.463.796	167.820.140.856
<i>Thu lãi tiền gửi</i>	156.376.283.043	161.326.824.025
<i>Doanh thu khác</i>	14.917.180.753	6.493.316.831
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(31.888.000)</b>	<b>(600.181.818)</b>
<b>3. Doanh thu thuần</b>	<b>1.121.526.055.660</b>	<b>1.054.634.146.677</b>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí môi giới, lưu ký chứng khoán	32.496.891.591	22.692.614.277
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	173.800.890.090	200.352.846.514
Chi phí dự phòng hoạt động kinh doanh chứng khoán	(200.391.716.379)	255.313.622.772
Chi phí vốn kinh doanh chứng khoán	69.862.731.578	105.382.997.545
Các chi phí trực tiếp khác về kinh doanh chứng khoán	157.705.670.785	156.434.759.251
<i>Chi phí nhân viên</i>	60.882.781.828	72.715.625.988
<i>Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm</i>	3.058.075.611	4.917.458.810
<i>Chi phí khấu hao và phân bổ</i>	22.693.658.134	22.733.613.067
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	40.154.789.823	28.420.500.485
<i>Chi phí thuê văn phòng</i>	20.430.701.554	19.841.955.672
<i>Chi phí khác</i>	10.485.663.835	7.805.605.229
	<b><u>233.474.467.665</u></b>	<b><u>740.176.840.359</u></b>

**27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí nhân viên	4.573.200.827	4.041.660.577
Chi phí khấu hao và phân bổ	856.923.793	745.448.796
Chi phí dịch vụ mua ngoài	831.841.831	717.877.232
	<b><u>6.261.966.451</u></b>	<b><u>5.504.986.605</u></b>

**28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>137.062.842</b>	<b>25.267.192.151</b>
Thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất tại Nha Trang	-	24.770.114.818
Thu nhập khác ngoài hoạt động kinh doanh	137.062.842	497.077.333
<b>Chi phí khác</b>	<b>103.548.166</b>	<b>22.335.211.375</b>
Chi phí từ chuyển quyền sử dụng đất tại Nha Trang	-	22.153.751.856
Chi phí khác ngoài hoạt động kinh doanh	103.548.166	181.459.519
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b><u>33.514.676</u></b>	<b><u>2.931.980.776</u></b>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

***Thuế Thu nhập Doanh nghiệp***

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) trong 2 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% thuế TNDN trong 3 năm tiếp theo. Năm kinh doanh có lãi đầu tiên của công ty là 2001. Công ty được áp dụng mức thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 20% trong thời hạn 10 năm kể từ khi khai trương hoạt động kinh doanh năm 1999. Năm 2009 là năm cuối cùng Công ty được hưởng mức thuế suất 20%. Mức thuế suất cho các năm tiếp theo là 25%.

Theo Công văn số 11924/TC-CST ngày 20 tháng 10 năm 2004 và Công văn số 5428/TC-CST ngày 29 tháng 4 năm 2005 của Bộ Tài Chính, các công ty mới niêm yết trên thị trường chứng khoán được giảm trừ 50% thuế TNDN tính từ năm đầu tiên niêm yết. Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 15 tháng 12 năm 2006, theo đó, mức thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong năm 2009 là 20% (2008: 10%)

Theo hướng dẫn của Thông tư 03/2009-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 1 năm 2009 về việc giảm và gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, SSIAM được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009 do SSIAM đáp ứng tiêu chí của công ty vừa và nhỏ với số lao động sử dụng bình quân không quá 300 người.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**29.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**29.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)**

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty trong năm 2009 và 2008 được trình bày dưới đây:

	Năm nay	Năm trước
	VNĐ	VNĐ
<b>Lợi nhuận thuần trước thuế</b>	<b>955.711.514.448</b>	<b>277.819.245.792</b>
<b>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán</b>	<b>(222.566.138.699)</b>	<b>(108.041.282.155)</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	55.574.822.490	34.065.054.697
<i>Lỗ từ công ty liên kết</i>	-	34.065.054.697
<i>Chi phí dự phòng chứng khoán chưa niêm yết của năm nay</i>	55.574.822.490	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(278.140.961.189)	(142.106.336.852)
<i>Lợi nhuận từ công ty con</i>	(77.314.356.893)	(34.124.726.515)
<i>Lợi nhuận từ công ty liên kết (*)</i>	(1.138.378.228)	-
<i>Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN - Cổ tức</i>	(68.745.858.408)	(105.365.247.375)
<i>Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết (đã tính thuế năm 2008)</i>	(130.942.367.660)	-
<i>Thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất (theo biểu tính thuế độc lập quy định tại 134/2007/TT-BTC)</i>	-	(2.616.362.962)
<b>Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ kỳ trước</b>	<b>733.145.375.749</b>	<b>169.777.963.637</b>
Lỗ kỳ trước chuyển sang	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành</b>	<b>733.145.375.749</b>	<b>169.777.963.637</b>
Thuế TNDN phải trả ước tính kỳ hiện hành của Công ty mẹ	146.629.075.147	16.977.796.364
Thuế TNDN phải trả từ quyền sử dụng đất	-	1.481.273.500
Thuế TNDN phải nộp bổ sung do phần dự phòng chứng khoán chưa niêm yết chưa được khấu trừ thuế trong năm 2008	13.094.236.766	-
Thuế TNDN phải trả của công ty con	13.500.647.456	8.843.205.171
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>173.223.959.369</b>	<b>27.302.275.035</b>
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) năm trước	(57.721.377)	122.927.586
<b>Thuế TNDN phải trả đầu kỳ</b>	<b>5.383.825.130</b>	<b>75.156.970.643</b>
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(129.768.923.112)	(97.198.348.134)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ</b>	<b>48.781.140.010</b>	<b>5.383.825.130</b>

(\*): Ghi nhận theo phương pháp kế toán vốn chủ sở hữu (không bao gồm phần thực nhận).

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty đã ghi nhận khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm 2009 và 2008 như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
	VNĐ	VNĐ
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Chi phí dự phòng chứng khoán chưa niêm yết không được khấu trừ thuế năm nay	55.574.822.490	-
Tăng/(giảm) giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết (Quỹ tâm nhìn SSI) so với vốn góp ban đầu	30.794.540.950	-
<b>Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại theo thuế suất 25%</b>	<b>21.592.340.859</b>	-

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết và dự phòng giảm giá giá trị đầu tư vào công ty liên kết (Quỹ tâm nhìn SSI) tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 chuyển sang khấu trừ thuế trong các năm tiếp theo với mức thuế suất tạm áp dụng là mức thuế suất 25% của năm 2010.

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền (VNĐ)
Quỹ Tâm nhìn SSI	Công ty liên kết	Doanh thu hoạt động môi giới	9.930.312.378
Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI	Công ty nhận vốn đầu tư và có cùng Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Thực hiện hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán	58.153.088.000
		Tắt toán hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán	68.115.924.000
Ngân hàng ANZ	Cổ đông chiến lược	Chuyển đổi trái phiếu thành vốn	25.238.800.000
		Trả lãi trái phiếu chuyển đổi	8.086.436.300
Daiwa Securities Group Inc	Cổ đông chiến lược	Chuyển đổi trái phiếu thành vốn	11.773.800.000
		Trả lãi trái phiếu chuyển đổi	3.772.166.717

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Sở dư Công ty với các bên liên quan tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm:

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Các giao dịch</i>	<i>Khoản phải thu (VNĐ)</i>	<i>Khoản phải trả (VNĐ)</i>
Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI (SSIREIT)	Công ty nhận vốn đầu tư và có cùng Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Góp vốn đầu tư	14.999.990.000	
		Thực hiện hợp đồng mua bán lại chứng khoán	19.892.544.000	
		Lãi hợp đồng cam kết mua bán lại phải thu	1.754.522.379	
Ngân hàng ANZ	Cổ đông chiến lược	Tiền gửi của công ty tại ngân hàng	42.643.321.033	
		Tiền gửi của nhà đầu tư tại NH ANZ	210.591.914	
		Nợ dài hạn trái phiếu chuyển đổi		33.653.200.000
Daiwa Securities Group Inc	Cổ đông chiến lược	Nợ dài hạn trái phiếu chuyển đổi		15.698.200.000

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm 2009 là 8.438.440.649 đồng (bao gồm cả thuế thu nhập cá nhân và các khoản bảo hiểm bắt buộc).

**31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản.

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông - VNĐ	804.079.895.938	250.516.970.757
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	150.001.987	134.133.329
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu - VNĐ	5.360	1.868



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**32. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**32.1 Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Đơn vị: VND

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Quản lý danh mục	Ngân hàng đầu tư và các bộ phận khác	Tổng cộng
<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009</i>						
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	197.960.644.875	677.568.349.034	171.293.463.796	88.419.267.953	60.309.771.069	1.195.551.496.727
2. Các chi phí trực tiếp	32.496.891.591	(26.590.826.289)	69.862.731.577	-	-	75.768.796.879
3. Các chi phí phân bổ	122.259.496.219	14.819.332.875	2.646.309.442	9.526.713.991	14.819.332.873	164.071.185.400
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế</b>	<b>43.204.257.065</b>	<b>689.339.842.448</b>	<b>98.784.422.777</b>	<b>78.892.553.962</b>	<b>45.490.438.196</b>	<b>955.711.514.448</b>
1. Tài sản bộ phận	2.177.804.993.956	3.516.544.910.891	834.188.745.048	241.173.585.917	1.454.685.890	6.771.166.921.702
2. Tài sản phân bổ	136.799.208.044	16.581.722.187	2.961.021.819	10.659.678.549	16.581.722.187	183.583.352.786
3. Tài sản không phân bổ						122.235.147.021
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.314.604.202.000</b>	<b>3.533.126.633.078</b>	<b>837.149.766.867</b>	<b>251.833.264.466</b>	<b>18.036.408.077</b>	<b>7.076.985.421.509</b>
1. Nợ phải trả bộ phận	1.507.597.681.459	13.000.000.000	359.254.339.345	130.978.368.724	2.229.777.500	2.013.060.167.028
2. Nợ phân bổ	3.116.578.557	377.767.098	67.458.410	242.850.277	377.767.098	4.182.421.440
3. Nợ không phân bổ						210.594.781.505
<b>Tổng công nợ</b>	<b>1.510.714.260.016</b>	<b>13.377.767.098</b>	<b>359.321.797.755</b>	<b>131.221.219.001</b>	<b>2.607.544.598</b>	<b>2.227.837.369.973</b>

**32.2 Thông tin báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**33. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

**33.1 Cam kết thuê hoạt động**

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
	VNĐ	VNĐ
Đến 1 năm	18.087.757.380	16.573.891.500
Trên 1 - 5 năm	67.347.105.210	66.060.144.000
Trên 5 năm	28.855.586.760	32.005.908.000

Các khoản tiền thuê này được xác định trên cơ sở giá thuê trên hợp đồng hiệu lực vào ngày 31 tháng 12 năm 2009. Các khoản tiền thuê phải trả bằng tiền đô la Mỹ được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 17.941 đồng.

**33.2 Cam kết hỗ trợ hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết**

Năm 2009, Công ty đã ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết đối với các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, trong đó Công ty sẽ góp vốn đầu tư bằng tiền để mua chứng khoán.

Giá trị các cam kết góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

Chi nhánh	Cam kết góp vốn VNĐ
Chi nhánh Hà Nội	-
Hải Phòng	66.882.463
Trần Bình Trọng	12.586.186
Trụ sở chính (TP Hồ Chí Minh)	119.582.256
	<b>199.050.905</b>

**34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo Công văn số 28/2010/CV-SSIHO ngày 11 tháng 01 năm 2010 của SSI gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty sẽ tiến hành thực hiện chuyển đổi 2.222.240 trái phiếu SSICB0306 thành cổ phiếu phổ thông theo tỷ lệ 1:10 vào ngày 30 tháng 01 năm 2010 và trả lãi cho số trái phiếu này. Đây là lần chuyển đổi cuối cùng của số trái phiếu chuyển đổi đã phát hành từ năm 2006.

Do trái phiếu chuyển đổi SSICB0306 đã được phát hành trước khi cổ phiếu SSI được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sẽ không điều chỉnh giá tham chiếu cổ phiếu SSI khi tiến hành chuyển đổi trái phiếu SSICB0306 thành cổ phiếu.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. DỮ LIỆU SO SÁNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được trình bày theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính thay thế cho Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, do đó một số số liệu so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được trình bày lại cho phù hợp với hình thức trình bày báo cáo tài chính của kỳ này.

		
Kế toán trưởng Hoàng Thị Minh Thủy	Giám đốc Tài chính Nguyễn Thị Thanh Hà	Tổng Giám đốc Nguyễn Duy Hưng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2010

